TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2026/QĐST-DS	*Đồng Nai, ngày 19 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 337/2025/TLST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bạch Đình H, sinh năm 1984 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn S, xã T, thành phố Đ

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Công S, sinh năm 1992. Địa chỉ: A L, phường T, tỉnh Đăk Lắk.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Duy K, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn S, xã T, thành phố Đ

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Thái Xuân T, sinh năm 1978

Địa chỉ: 2, tổ B, khu phố B, phường T, thành phố Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Đặng Thị H2, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký thường trú: Số C, thôn Đ, xã B, Thành phố Đ.

Nơi ở hiện nay: Số nhà G, tổ F, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị H2: Ông Nguyễn Nhật T1, sinh năm 1986. Nơi thường trú: Số nhà G, tổ F, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp. SĐT: 0907333956.

+ Ông Nguyễn Nhật T1, sinh năm 1986

Nơi thường trú: Số nhà G, tổ F, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố D, L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là phường P, thành phố Đ)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Đặng Duy K có nghĩa vụ trả ông Bạch Đình H và bà Phạm Thị H1 số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn trả tiền cụ thể như sau:

Trong ngày 11/6/2026 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng; ngày 11/7/2026 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng; ngày 11/8/2026 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng; ngày 11/9/2026 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng; ngày 11/10/2026 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng; ngày 11/11/2026 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng; ngày 11/12/2026 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng; ngày 11/01/2027 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Nếu đến hạn trả tiền, ông K vi phạm nghĩa vụ trả tiền ở bất cứ thời gian nào tức không trả đủ và đúng thời hạn trả tiền theo thỏa thuận nêu trên thì ông H bà H1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành toàn bộ số tiền mà ông K còn nợ ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật T1 và bà Đặng Thị H2 có nghĩa vụ liên đới trả ông Bạch Đình H và bà Phạm Thị H1 số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời hạn trả tiền vào ngày 11 hàng tháng, bắt đầu trả mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 11/7/2026 và ngày 11 mỗi tháng tiếp theo trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

Nếu đến hạn trả tiền, ông T1, bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả tiền ở bất cứ thời gian nào tức không trả đủ và đúng thời hạn trả tiền theo thỏa thuận nêu trên thì ông H bà H1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành toàn bộ số tiền mà ông T1 bà H2 còn nợ ông H.

- Về án phí: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật T1 và bà Đặng Thị H2 liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000 đồng.

Thi hành án dân sự thành phố Đ trả lại cho nguyên đơn ông Bạch Đình H và bà Phạm Thị H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.042.000 (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011242 ngày 12/12/2025)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND kv 12 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hà